

# CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN TIẾN KHOA<sup>\*)</sup>

**Tóm tắt:** Trong những năm qua, doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nước ta có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp không nhỏ vào GDP, tạo công ăn việc làm, ổn định và phát triển kinh tế của đất nước... Tuy nhiên, hiện nay doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam còn nhiều hạn chế về quy mô, mức độ đóng góp và chưa thực sự phát huy hết tiềm năng của mình. Bài viết làm rõ thực trạng chính sách, pháp luật hỗ trợ và hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa, nguyên nhân cản trở phát triển và giải pháp tháo gỡ rào cản nhằm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa của nước ta trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** Doanh nghiệp nhỏ và vừa; chính sách, pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Abstract:** Over the years, small and medium enterprises (SME) in Vietnam have made significant contribution to national GDP, job creation and socio-economic development. However, SMEs remain limited in size and scope, failing to reach their full potential. The article reviewed political and legal support form SMEs in Vietnam, factors hindering SME development and solutions to facilitate SMEs.

**Keywords:** Small and medium enterprise; political and legal support.

Ngày nhận bài: 12/01/2020; Ngày sửa bài: 15/02/2020; Ngày duyệt đăng bài: 27/02/2020.

## 1. Đặt vấn đề

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế và xã hội, trong tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển và đóng góp vào ngân sách nhà nước. DNNVV có vốn đầu tư ban đầu tuy không lớn nhưng được hình thành và phát triển rộng khắp ở cả thành thị và nông thôn, ở hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực; là khu vực khai thác và huy động các nguồn lực, tạo cơ hội cho đồng dân cư có thể tham gia đầu tư và là nhân tố tạo ra một thị trường cạnh tranh

lành mạnh. Ở Việt Nam, trong giai đoạn 2010-2018, khu vực DN đóng góp bình quân cho ngân sách nhà nước (NSNN) khoảng 12,4%/năm, tương đương trên 60% GDP. Trong đó, DNNVV chiếm đến 98,1% tổng số DN đang hoạt động, đóng góp khoảng 45% GDP, 31% tổng thu NSNN và tạo công ăn việc làm cho hơn 5 triệu lao động. Do đó, ưu tiên phát triển DNNVV là một yêu cầu cần thiết và khách quan đối với nền kinh tế đất nước.

Sự ra đời của Luật Doanh nghiệp và

<sup>\*)</sup> ThS. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Email: ntiengkhoaamtq@gmail.com

Luật Đầu tư đã tác động tích cực đến quá trình phát triển doanh nghiệp Việt Nam, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp (DN). Các DNNVV đã huy động được nhiều nguồn lực, tạo được nhiều việc làm, tăng thu ngân sách nhà nước (NSNN), góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường (KTTH), các chính sách quản lý kinh tế, đặc biệt là các giải pháp tài chính để hỗ trợ cho DNNVV luôn được Chính phủ quan tâm hoàn thiện. Tuy nhiên, quá trình vận động, phát triển của nền KTTH và hội nhập quốc tế luôn nảy sinh những vấn đề mới làm cho các chính sách, giải pháp luôn có xu hướng lạc hậu, bất cập, đòi hỏi phải thường xuyên được nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện. Các chính sách, giải pháp được Chính phủ sử dụng để quản lý và thúc đẩy các DNNVV phát triển đôi khi chưa thực sự chú ý đến đặc điểm đặc thù của DNNVV mà áp dụng chung cho mọi loại hình DN, đồng thời do “độ trễ” của chính sách, giải pháp nên trong thực tiễn quản lý kinh tế tài chính chưa mang lại hiệu quả tương xứng so với mục tiêu và khả năng của các DNNVV.

## **2. Thực trạng chính sách, pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nước ta hiện nay**

### **2.1. Thực trạng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nước ta hiện nay**

Ngay từ Đại hội VI của Đảng năm 1986, khởi xướng công cuộc đổi mới, đề ra chính sách kinh tế nhiều thành phần và qua từng

kỳ đại hội, sau đó, tư tưởng này đã có những bước phát triển mới. Đặc biệt, Đảng ta nêu rõ: “Trên cơ sở ba chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân), hình thành nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài... Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế<sup>(1)</sup>”. Đây có thể coi là chủ trương lần đầu tiên đặt nền móng cho việc ra đời các quy định pháp lý đối với tư nhân, trong đó có doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nước ta.

Từ Đại hội VII đến Đại hội X, các văn kiện đại hội thể hiện xu hướng ngày càng coi trọng các có định hướng rõ ràng hơn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đặc biệt tại Đại hội XII, Đảng đã khẳng định: “*Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật*”.

Ngày 18/3/2014, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 19/NQ-Chính phủ về “*Những nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia*”; Năm 2019 Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị quyết Nghị quyết 35-NQ/CP về hỗ trợ phát triển DN đến năm 2020.

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Phần II, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 354.

## **2.2. Thực trạng pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nước ta hiện nay**

Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, thời gian qua Nhà nước ta đã ban hành nhiều đạo luật nhằm tạo thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp này có điều kiện phát triển. Các đạo luật đó tập trung vào một số vấn đề chủ yếu như sau:

*- Các biện pháp cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa*

Luật Đầu tư (sửa đổi) và Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) có hiệu lực từ 01/7/2015 quy định lĩnh vực, địa bàn khuyến khích đầu tư thu hút các dự án đầu tư có chất lượng và hiệu quả; các quy định về điều kiện và thủ tục đầu tư, kinh doanh có tính minh bạch, đồng bộ; tạo mặt bằng pháp lý cho nhà đầu tư trong và ngoài nước... Bên cạnh đó, Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT) năm 2013 có một số nội dung quan trọng được sửa đổi, bổ sung để tạo điều kiện cho DNNVV kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT; quy định cụ thể cách tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế và phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 quy định bổ sung mức thuế suất phổ thông là 22%, riêng doanh nghiệp có doanh thu bình quân năm dưới 20 tỷ đồng thì áp dụng thuế suất 20% kể từ ngày 1/7/2013...

Ngoài ra, một số văn bản quy phạm pháp luật khác được sửa đổi, bổ sung để cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh như Luật Phá sản (sửa đổi)

năm 2014, Luật Hải quan (sửa đổi) năm 2014, Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi) năm 2015, Luật Đầu tư công năm 2014...

*Về các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa*

Ngày 30/6/2009, Chính phủ ban hành Nghị định số 56/2009/NĐ-CP về trợ giúp phát triển DNNVV (thay thế Nghị định 90/2001/NĐ-CP), quy định 8 nhóm hỗ trợ phát triển DNNVV. Tại Quyết định số 1231/QĐ-TTg ngày 7/9/2012, Nhà nước ta đã đề ra các giải pháp, chương trình hỗ trợ DNNVV gồm 08 nội dung trọng tâm. Ngoài ra, Chính phủ, Quốc hội cũng ban hành nhiều văn bản quan trọng nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn trực tiếp cho doanh nghiệp, đó là những cơ sở quan trọng được kỳ vọng sẽ tạo ra bước đột phá, xây dựng khung pháp lý rõ ràng, minh bạch và khả thi để hỗ trợ trực tiếp cho DNNVV phát triển mạnh mẽ trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

### **2.3. Đánh giá về hiệu quả của một số chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nước ta hiện nay**

#### *2.3.1. Các chính sách trợ giúp tài chính, tín dụng và thuế*

*Về bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam*

Ngày 10/1/2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg về Quy chế bảo lãnh cho DNNVV. Đến ngày 22/4/2014, Thông tư số 47/2014/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg. Đồng thời, Ngân hàng nhà nước Việt Nam (NHNN) đã ban hành Thông tư số 29/2014/TT-NHNN ngày 9/10/2014, hướng dẫn các ngân hàng

thương mại phối hợp với Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện cơ chế bảo lãnh cho DNNVV vay vốn theo quy định tại Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg. Tuy nhiên, theo đánh giá của NHPTVN, đến nay ngân hàng chưa thực hiện được khoản bảo lãnh nào cho DNNVV theo Quyết định số 03 nói trên bởi một số lý do sau:

- NHPT lo ngại rủi ro, tập trung xử lý các dự án đã bảo lãnh trước đây; NHPT cho rằng chưa có cơ chế chính sách hướng dẫn Quyết định số 03, đặc biệt là cơ chế hướng dẫn về quyền và trách nhiệm của các bên trong quan hệ bảo lãnh.

- Về phía các tổ chức tín dụng: các tổ chức tín dụng không muốn cho DNNVV vay vốn do NHPTVN bảo lãnh vì các DNNVV thường không có tài sản bảo đảm hoặc có thì cũng rất hạn chế, dẫn đến khả năng rủi ro cao.

- Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương

Ngày 8/3/2018 Chính phủ ban hành Nghị định 34/2018/NĐ-CP về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV. Tuy nhiên, việc thành lập và triển khai hoạt động bảo lãnh tín dụng của các Quỹ này còn gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, doanh số bảo lãnh của Quỹ tại các địa phương đến nay vẫn còn khiêm tốn, chỉ một số Quỹ hoạt động có hiệu quả là Tp. Hồ Chí Minh, Vinh Phúc, Trà Vinh; trong đó, Tp. Hồ Chí Minh là một trong những Quỹ hoạt động hiệu quả nhất.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp

*cận nguồn vốn qua hệ thống các ngân hàng thương mại.*

Trong nhiều năm qua, một trong những khó khăn lớn nhất đối với các DNNVV vẫn là tiếp cận các nguồn vốn phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Thực tiễn cho thấy, DNNVV sử dụng nguồn vốn bên ngoài rẻ hơn sử dụng nguồn vốn tự có nhưng thực tế tỷ lệ tiếp cận tín dụng của DNNVV từ ngân hàng còn khá khiêm tốn. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, hiện chỉ có khoảng hơn 30% các DNNVV tiếp cận được với nguồn vốn tín dụng từ ngân hàng, gần 70% DNNVV còn lại phải tiếp tục sử dụng nguồn vốn tự có hoặc vay từ nguồn vốn khác với chi phí và rủi ro rất cao. Tuy nhiên, kết quả cho vay đối với DNNVV vẫn còn khá khiêm tốn: tỷ lệ dư nợ cho vay đối với DNNVV trong giai đoạn 2011-2015 trung bình khoảng 25% tổng dư nợ cho vay toàn bộ nền kinh tế.

- Hỗ trợ tiếp cận vốn thông qua Quỹ Phát triển DNNVV

Ngày 17/4/2013, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 601/QĐ-TTg về việc thành lập Quỹ phát triển DNNVV. Ngày 31/12/2013, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quyết định số 2008/QĐ-BKHĐT về việc thành lập Hội đồng quản lý Quỹ. Trên cơ sở đó, từ tháng 9/2014, Quỹ đã hình thành bộ máy tổ chức và đi vào hoạt động ổn định. Khung pháp lý cho hoạt động của Quỹ đang dần được hoàn thiện với việc Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 119/2015/TT-BTC ngày 12/8/2015 về quy chế quản lý tài chính của Quỹ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số

13/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 quy định Danh mục lĩnh vực ưu tiên và đối tượng ưu tiên hỗ trợ của Quỹ.

*2.3.2. Các chính sách hỗ trợ về mặt bằng sản xuất*

*- Về tạo quỹ đất cho doanh nghiệp:*

Luật Đất đai (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua cuối năm 2013 với một số sửa đổi tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận đất sạch cho sản xuất, kinh doanh. Luật cũng quy định các nội dung cụ thể đối với việc đầu tư, xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, làng nghề... tạo quỹ đất cho doanh nghiệp tiếp cận mặt bằng sản xuất kinh doanh<sup>(2)</sup>.

*- Về khuyến khích xây dựng các khu, cụm công nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở địa phương.*

Hiện nay cả nước có 330 KCN được thành lập với tổng diện tích đất tự nhiên đạt gần 97 nghìn ha, trong đó diện tích đất công nghiệp đạt khoảng 65,9 nghìn ha. Trong 330 KCN được thành lập, có 258 KCN đã đi vào hoạt động với tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 68,8 nghìn ha và 72 KCN đang xây dựng với tổng diện tích khoảng 28,1 nghìn ha. Tỷ lệ lấp đầy của các KCN đang hoạt động đạt 74,3%. Cả nước có 17 KKT ven biển đã được thành lập với tổng diện tích mặt đất và mặt nước khoảng hơn 845 nghìn ha. Ngoài ra, KKT Ninh Cơ (tỉnh Nam Định) nằm trong quy hoạch phát triển các KKT nhưng chưa được thành lập. Tuy nhiên, theo đánh giá, cả nước hiện chưa có một

khu, cụm công nghiệp nào dành riêng cho các DNNVV. Quỹ đất công nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp chưa lấp đầy vẫn còn nhiều, chiếm khoảng 50% trong các khu công nghiệp và khoảng 40% trong các cụm công nghiệp. Đất khu, cụm công nghiệp chưa được lấp đầy nhưng DNNVV khó tiếp cận đất công nghiệp vì bản thân các nhà đầu tư hạ tầng khu cụm không muốn chia nhỏ diện tích cho phù hợp với nhu cầu sử dụng của DNNVV vì làm tăng chi phí đầu tư hạ tầng.

*2.3.3. Các chính sách hỗ trợ về đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ, trình độ kỹ thuật*

Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí hỗ trợ các DNNVV thực hiện đăng ký và bảo hộ, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm, dịch vụ, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO<sup>(3)</sup> và các tiêu chuẩn quốc tế khác. Đồng thời, Nghị định 56 cũng quy định Quỹ Phát triển Khoa học công nghệ quốc gia hàng năm dành một phần kinh phí để hỗ trợ các DNNVV đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ. Tuy nhiên, các nội dung này được quy định rất chung và kết quả là, hầu hết các chương trình, chính sách hỗ trợ về nâng cao năng lực công nghệ, trình độ kỹ thuật quy định tại Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa không đánh giá được sự tham gia của các DNNVV.

<sup>(2)</sup> Điều 149-152 Luật Đất đai (sửa đổi).

<sup>(3)</sup> International Organization for Standardization là Tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế.

**2.3.4. Các chính sách hỗ trợ về tham gia mua sắm, cung ứng dịch vụ công**

Việc đấu thầu qua mạng đã được triển khai thí điểm từ cuối năm 2010 (theo Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư số 17/2010/TT-BKH, ngày 22/7/2010). Trên thực tế, từ khi quy định này có hiệu lực, số DNNVV được ưu đãi về đấu thầu chủ yếu liên quan đến lĩnh vực xây lắp.

**2.3.5. Các chính sách hỗ trợ về thông tin và tư vấn**

Hoạt động tư vấn tại hiện trường cho doanh nghiệp được Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp) triển khai chủ yếu trong khuôn khổ của Chương trình Tình nguyện viên Nhật Bản và Hàn Quốc giai đoạn 2010-2013. Dưới sự giúp đỡ của các chuyên gia Nhật Bản và Hàn Quốc, các doanh nghiệp đã được tư vấn tại hiện trường và mang lại những cải tiến đáng kể.

**2.3.6. Các chính sách hỗ trợ về vườn ươm doanh nghiệp**

Hiện nay, ở Việt Nam hiện có khoảng 8 vườn ươm doanh nghiệp KHCN đang hoạt động. Nhìn chung, hoạt động của các vườn ươm đã đạt được một số kết quả bước đầu đáng khích lệ về số lượng doanh nghiệp được ươm tạo, tuy nhiên, còn khá nhiều vấn đề cần phải giải quyết từ phía cơ chế, chính sách của Nhà nước cũng như từ cách thức hoạt động của các vườn ươm để tạo ra sức hút thực sự đối với các doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

**3. Những hạn chế, bất cập về pháp luật đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa và nguyên nhân**

Bên cạnh những thành công nhất định thì thực trạng chính sách, pháp luật hỗ

trợ cho DNNVV thời gian qua cho thấy còn nhiều bất cập, hạn chế. Cụ thể:

*Thứ nhất*, hơn 80% các chính sách/chương trình trợ giúp DNNVV không có đánh giá kết quả hỗ trợ cho DNNVV. Mặt khác thiếu các tiêu chí đánh giá tác động của chính sách/chương trình đến sản xuất, kinh doanh của DNNVV như các chương trình nâng cao chất lượng sản phẩm, đổi mới và nâng cao năng lực công nghệ, sở hữu trí tuệ..., tư vấn thị trường, đào tạo nghề.

*Thứ hai*, nhiều chính sách mới chỉ dừng lại ở những quy định mang tính khuyến khích, chưa có những quy định ưu đãi rõ ràng như trợ giúp mặt bằng sản xuất, hỗ trợ DNNVV tham gia kế hoạch mua sắm, cung ứng dịch vụ công...

*Thứ ba*, một số chính sách hỗ trợ tuy đã có những kết quả triển khai nhất định nhưng phạm vi và quy mô hỗ trợ còn nhỏ hẹp như chính sách về vườn ươm doanh nghiệp... chính sách về bảo lãnh tín dụng (18 quỹ bảo lãnh địa phương với kết quả hoạt động hạn chế), chính sách tư vấn về kinh doanh và quản lý sản xuất mới chủ yếu được thực hiện ở một số ít doanh nghiệp khu vực phía Bắc do nguồn lực còn hạn chế, chủ yếu huy động từ viện trợ quốc tế.

*Thứ tư*, một số chính sách có chất lượng nội dung chưa cao, hình thức thực hiện chưa phù hợp với đối tượng DNNVV như hỗ trợ về thông tin: đa số trang thông tin cho doanh nghiệp cung cấp các thông tin chung chung, lạc hậu, thiếu các thông tin phục vụ thiết thực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh

ng nghiệp do đó làm giảm sự quan tâm và tham gia của các doanh nghiệp.

*Thứ năm*, tiến độ thực hiện các chính sách, chương trình trợ giúp DNNVV còn rất chậm. Thời gian để xây dựng các văn bản quy phạm hướng dẫn thực hiện kéo dài 2 đến 3 năm.

*Thứ sáu*, các chính sách, chương trình trợ giúp DNNVV hiện đang được thực hiện rời rạc và dàn trải. Trong khi đó đối với một doanh nghiệp, muốn phát triển bền vững thì phải có cả yếu tố nguồn lực, tài chính, trình độ công nghệ, khả năng tiếp cận thông tin thị trường, hiểu biết pháp lý,... do vậy cần có sự hỗ trợ mang tính tổng thể của Nhà nước.

*Thứ bảy*, mức độ triển khai chính sách trợ giúp DNNVV ở cấp địa phương còn hạn chế (khoảng 30%). Nhiều địa phương chưa chủ động xây dựng các chương trình, chính sách trợ giúp DNNVV trên địa bàn, hầu hết mới chỉ tham gia thực hiện các chương trình do các Bộ, ngành chủ trì với mức độ khiêm tốn.

**4. Một số giải pháp và kiến nghị nâng cao hiệu quả của chính sách, pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nước ta hiện nay**

**4.1. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

- *Hoàn thiện chính sách tiếp cận tín dụng để phát triển DNNVV*

*Thứ nhất*, khắc phục sự dàn trải, phân tán nguồn lực tài trợ, cần thống nhất một đầu mối duy nhất về hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp DNNVV (thường gọi là Quỹ phát triển DNNVV) gồm cả hoạt động cho vay và hoạt động bảo lãnh tín dụng.

*Thứ hai*, thay vì chỉ định tổ chức tín dụng nhận ủy thác từ Nhà nước như trước kia, cần tạo cơ chế cạnh tranh giữa các ngân hàng thương mại trong việc cung ứng dịch vụ ủy thác đầu tư cho Quỹ thông qua đấu thầu công. Điều này giúp ngăn ngừa tình trạng hoạt động trì trệ từ phía ngân hàng chỉ định như trước kia.

*Thứ ba*, có thể thấy, phần lớn các dự án khởi nghiệp đều là các dự án có tính mới, tính rủi ro rất cao và việc cho vay trong nhiều trường hợp mang tính chất đầu tư rủi ro hơn là việc cho vay có hoàn trả và phát triển vốn. Do vậy cần có quỹ riêng của Nhà nước dành cho đầu tư mạo hiểm và các dự án khởi nghiệp mà không thể đánh giá mức độ rủi ro và không thỏa mãn các điều kiện cho vay thông thường.

*Hoàn thiện chính sách hỗ trợ công nghệ cho các DNNVV*: Nhà nước cần phải tiến hành tuyên truyền và đào tạo nhanh cho các nhà quản trị doanh nghiệp về các kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể thực hiện tốt công tác quản trị công nghệ và đổi mới công nghệ.

- *Hoàn thiện chính sách về hỗ trợ mặt bằng sản xuất kinh doanh*: Những khó khăn trong việc tiếp cận đất đai hiện nay của doanh nghiệp DNNVV là những khó khăn chung của toàn bộ hệ thống đối với đất đai dành cho doanh nghiệp. Do vậy Nhà nước nên hỗ trợ trực tiếp chi phí mặt bằng sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp.

- *Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại mở rộng thị trường*: Hạn chế lớn nhất cả các chương trình xúc tiến thương mại hiện nay đó là các hoạt động thường dàn trải, thiếu công khai minh bạch,

doanh nghiệp DNNVV gần như không tiếp cận được các chương trình xúc tiến thương mại mà chủ yếu là khối doanh nghiệp có vốn góp nhà nước. Do vậy Nhà nước có thể hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp thông qua việc hỗ trợ chi phí tham gia hội chợ, triển lãm cho doanh nghiệp.

*Chính sách hỗ trợ tham gia cung ứng dịch vụ công:* Các hỗ trợ cho DNNVV tham gia dịch vụ công phải loại bỏ những rào cản đến từ thể chế của thị trường. Nhà nước chỉ tập trung những khó khăn, trở ngại xuất phát từ vị trí yếu thế của doanh nghiệp DNNVV trong sự cạnh tranh tham gia cung ứng dịch vụ công với các thành phần doanh nghiệp khác.

*Chính sách hỗ trợ thông tin và tư vấn:* Cần nhận thức rõ về những nhu cầu tư vấn từ phía doanh nghiệp để Nhà nước có những chính sách hỗ trợ hợp lý, đảm bảo đúng đối tượng thụ hưởng: *Một là*, các yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến việc thực hiện các yêu cầu quản lý của Nhà nước đối với doanh nghiệp DNNVV (quan hệ công); *Hai là*, châu Âu quan niệm rằng việc mà doanh nghiệp đưa ra các yêu cầu cung cấp thông tin tư vấn liên quan đến hoạt động quản lý của Nhà nước là đương nhiên nằm trong trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước và Nhà nước phải đảm bảo để doanh nghiệp thực hiện được hoạt động đó.

**4.2. Hoàn thiện pháp luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay**

*Thứ nhất*, Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018,

song quy định về hỗ trợ tiếp cận vốn còn khá khiêm tốn, thiếu cơ sở triển khai trong thực tế. Do đó, trong thời gian tới, Ngân hàng nhà nước cần nghiên cứu các chính sách hỗ trợ cho DN hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, các TCTD cần tăng cường thực hiện hiệu quả các văn bản điều hành của Chính phủ.

*Thứ hai*, cải thiện năng lực thể chế của các cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ tư vấn miễn phí cho doanh nghiệp ở Việt Nam là cần thiết nhưng không nên xem đó là một trong những hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp DNNVV bởi đối tượng thụ hưởng khác nhau. Các chính sách này sẽ tập trung vào việc nâng cao năng lực thể chế hoạt động của các cơ quan nhà nước trong việc cung cấp dịch vụ tư vấn miễn phí.

*Thứ ba*, việc cải thiện năng lực thể chế của các cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ tư vấn miễn phí cho doanh nghiệp không chỉ đơn giản dựa vào các hoạt động nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; hỗ trợ chi phí... mà phải xuất phát từ việc đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

*Thứ tư*, với một quốc gia đang phát triển như Việt Nam, việc chỉ dựa vào nguồn lực của Nhà nước là không đủ, do đó, cần có sự tham gia tích cực của khu vực tư là các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, trong đó có Hiệp hội DNNVV. Do đó, nâng cao năng lực thể chế cho các tổ chức này cũng là một hình thức hỗ trợ gián tiếp cho các doanh nghiệp DNNVV thành viên.



## 5. Kết luận

Những năm qua, Nhà nước đã sử dụng có hiệu quả các quy định của pháp luật về hỗ trợ DNNVV phát triển. Các quy định của pháp luật về hỗ trợ DN cần được tiếp tục bổ sung, hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn phát triển nền KTTT hội nhập trong những năm tới, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho DNNVV phát triển, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế. Qua các nội dung đã phân tích nêu trên, chúng ta có thể đúc rút một số vấn đề sau:

1. Hệ thống hoá lý luận cơ bản về DNVVN, làm rõ nội hàm quy định của pháp luật về hỗ trợ DNVVN (khái niệm, nội dung, tiêu thức đánh giá), và nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia trong phát triển DNVVN để vận dụng vào thực tiễn Việt Nam.

2. Thông qua tổng hợp, phân tích, đánh giá việc sử dụng các quy định của pháp luật về hỗ trợ DNVVN, nghiên cứu chỉ ra tính đặc thù cũng như những bất cập cần được tháo gỡ trong thực tiễn thực hiện quy định của pháp luật hỗ trợ DNVVN để phát triển DN này trên thực tiễn.

3. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, tác giả đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật hỗ trợ DNVVN: giải pháp về thuế, tín dụng, các Quỹ trợ giúp, giải quyết mặt bằng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho DNVVN phát triển, đóng góp vào tăng trưởng, phát triển KTXH của đất nước. Tuy nhiên, nền KTTT hiện đại và tác động của HNKTQT luôn vận động, phát triển không ngừng làm cho việc sử dụng các

quy định hỗ trợ luôn bị bất cập. Chính phủ luôn phải hoàn thiện các chính sách, công cụ quản lý kinh tế vĩ mô cho phù hợp với trình độ phát triển của KTTT và lộ trình HNKTQT. Chính sách pháp luật của Chính phủ hoạch định, thực thi được áp dụng thống nhất trong toàn quốc song mỗi địa phương có đặc điểm đặc thù đòi hỏi sự vận dụng chính sách phải linh hoạt, kịp thời.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Sách trắng doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam năm 2017*.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2019*.
3. Chính phủ (2016), Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển DN đến năm 2020, Hà Nội.
4. CIEM (2001), *"Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa: Kinh nghiệm nước ngoài và phát triển DNNVV ở Việt Nam"*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X)*, Phần I, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Nguyễn Đình Hương (2002), *Giải pháp phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Nguyễn Hải Hữu (1995), *Đổi mới cơ chế quản lý DNNVV trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.